

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /4/2023
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 04 tấn/h.
- Nguồn số 02: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý các khu chức năng (PTN).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

TT	Vị trí hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải	Ký hiệu	Lưu lượng (m ³ /h)
1	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 04 tấn/h	KT 01	12.000
2	Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý các khu chức năng (PTN)	KT02	5.000

2.2. Phương thức xả khí thải: Khí thải xả cưỡng bức, gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) (Áp dụng hệ số $K_v = 1$; $K_p = 1$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị cho phép QCVN 19/2009/BTNMT (cột B)		
			C	C _{max} (KT01)	C _{max} (KT02)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	200	
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	500	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	1.000	
5	NO _x	mg/Nm ³	850	850	
6	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	50		50
7	Hơi HNO ₃	mg/Nm ³	500		500
8	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5		7,5
9	NH ₃	mg/Nm ³	50		50

2.4. Vị trí xả khí thải

- Nguồn số 1: Tọa độ X = 2259181 (m); Y = 618808 (m).
- Nguồn số 2: Tọa độ X = 2259179 (m); Y = 618806 (m).

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

* Bụi, khí thải phát sinh tại các khu chức năng (PTN)

Mạng lưới thu gom bụi, khí thải tại khu vực các xưởng sản xuất bao gồm các thiết bị sau: Quạt hút, thiết bị thu gom giảm âm, than hoạt tính, thiết bị lọc thổi dung dịch NaOH, ống phóng không.

* Bụi, khí thải lò hơi

Thu gom bụi, khí thải lò hơi bao gồm các thiết bị sau: Quạt hút, Cyclon thu bụi, bể hấp thụ (nước vôi trong), ống phóng không.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

* Bụi, khí thải phát sinh tại các khu chức năng (PTN)

Quy trình xử lý bụi, khí thải phát sinh tại các khu chức năng (PTN): Bụi, khí thải → Thiết bị thu gom giảm âm → Bộ lọc hấp phụ than hoạt tính → Bộ lọc hấp thụ màng lọc thổi dung dịch xử lý → Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) → Ống phóng không cao 05 m (tính theo chiều cao mái nhà xưởng cộng thêm chiều cao ống xả 0,7 m).

* Bụi, khí thải lò hơi

Quy trình xử lý bụi, khí thải lò hơi: Bụi khí thải lò hơi → Bộ trao đổi nhiệt → Cyclon bụi → Bể hấp thụ NaOH → Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) → Ống phóng không cao 12 m so với mặt đất.

(Chi tiết thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, xử lý khí thải được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án)

1.3. Hóa chất, vật liệu sử dụng

Than hoạt tính 0,1 tấn/năm; NaOH 0,05 tấn/năm.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải

- Bố trí 01 cán bộ có chuyên môn phụ trách về môi trường của Dự án.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Chủ dự án tạm dừng hoạt động để sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi sửa chữa xong, khí thải đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống hoạt động trở lại.
- Kiểm định lò hơi định kỳ theo quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến từ tháng 5/2023 đến tháng 8/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 mẫu, trong đó:

- 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không, sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

- 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không, sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý các khu chức năng (PTN).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3, phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Trong giai đoạn hoạt động ổn định: Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp với tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần tại 02 lỗ kỹ thuật trên thân 02 ống phóng không của 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi và hệ thống xử lý khí thải các khu chức năng (PTN).

- Công ty có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3, phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh để kịp thời xử lý./.